TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Trần Giai Thưởng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 31/3/2023 và Quyết định Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18/4/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Tư G, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã S, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày:

Quan hệ về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Phan Tư G vào ngày 15/11/2012. Trước khi cưới đôi bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B (nay UBND xã S, thị xã T, tỉnh B). Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị T về chung sống cùng anh G ngay. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Theo chị T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2018, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Sau thời gian này mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 8/2021 cũng từ nguyên nhân trên vợ chồng lại tiếp tục

đánh cãi, chửi nhau; chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tạm và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G càng sớm càng tốt.

Theo anh G trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2022, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhưng không đánh nhau. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đi ở chỗ khác và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nhưng anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ, còn nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T anh G đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Thắng T, sinh ngày 14/7/2015, hiện cháu T có thời gian ở với chị T có thời gian ở với anh G. Phía chị T trình bày: Ly hôn, chị nhận nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện chị không có nhà đất riêng mà vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ; hiện chị đang làm nghề may gia công tại gia đình nhà bố mẹ đẻ, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng. Phía anh G trình bày: Ly hôn, anh nhận nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết; hiện anh không có nhà đất riêng mà vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ và anh làm nghề lái xe thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị T anh G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay chị T chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh G chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51,53,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147,227,228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Tư G.

+ Về con chung: Giao cháu Phan Thắng T, sinh ngày 14/7/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà hôm nay mặc dù anh G vắng mặt tại phiên tòa lần 2, tuy nhiên anh G đã có lời khai trình bày quan điểm và anh G đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX xác định quyền lợi của anh G đã được bảo đảm nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Phan Tư G vào ngày 15/11/2012. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã S, huyện T, tỉnh B (nay UBND xã S, thị xã T, tỉnh B). Do vậy, đã có đủ căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị T về chung sống cùng anh G ngay. Vợ chồng anh chị cũng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Quá trình chung sống, chị T anh G đều thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn; anh G mong muốn vợ chồng đoàn tụ, còn nếu chị T cương quyết ly hôn anh G đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh G không đến Toà làm việc, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng anh G vắng có mặt không tham gia phiên hoà giải. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận, mâu thuẫn vợ chồng chị T anh G đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị T anh G có 01 con chung là Phan Thắng T, sinh ngày 14/7/2015, hiện nay cháu T có thời gian ở với anh G, nhưng có thời gian ở với chị T. Ly hôn chị T, anh G đều nhận nuôi con và không yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T anh G là chính đáng và hiện cháu T đã trên 7 tuổi nên việc giao cháu T cho chị T hay anh G được chăm sóc nuôi dưỡng phải xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu T của anh G chị T. Xét điều kiện của anh G thì thấy: Anh G và gia đình anh G

đều xác định anh G làm nghề lái xe thường xuyên đi sớm về muộn nên việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, anh G đều phải nhờ bố mẹ anh giúp đỡ. Anh G và gia đình anh G đều có quan điểm: Chị T anh G ly hôn, chị T hứa sẽ chăm sóc nuôi dưỡng cháu T đảm bảo thì anh G và gia đình anh G đồng ý. Xét điều kiện của chị T thì thấy: Chị T làm công nhân may gần nhà nên có nhiều thời gian chăm sóc cháu T và chị T đảm bảo sẽ chăm sóc nuôi dưỡng cháu T tốt; mặt khác cháu T cũng muốn được ở chị T. Do vậy, HĐXX xác định chị T sẽ có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T sẽ tốt hơn anh G nên HĐXX giao cháu T cho chị T được tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Do chị T anh G đều không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chị T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Tư G.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Thắng T, sinh ngày 14/7/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0005861, ngày 22/02/2023. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Chị T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh G vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã S;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đình Quế Trần Giai Thưởng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2023.
Tại: Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Trần Giai Thưởng.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Phan Tư G, sinh năm 1984.

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã S, thị xã T, tỉnh B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

2. Quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Tư G. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

3. Về con chung: Giao con chung là Phan Thắng T, sinh ngày 14/7/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0005861, ngày 22/02/2023. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh G vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 10 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quế Trần Giai Thưởng Phạm Xuân Hà